

GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

■ CAO ĐĂNG VINH *

1. Sự cần thiết của việc áp dụng những quy định đặc thù trong việc giải quyết phá sản tổ chức tín dụng

Pháp luật phá sản có vị trí quan trọng trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong cơ chế kinh tế thị trường, do đó, hoàn thiện pháp luật kinh tế không thể không hoàn thiện pháp luật phá sản. Tổ chức tín dụng với tư cách là một loại doanh nghiệp kinh doanh, trong quá trình hoạt động của mình cũng có thể bị thua lỗ, lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán thì cũng phải thuộc đối tượng bị áp dụng thủ tục phá sản nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng cũng như của các chủ nợ, con nợ của tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, theo khuyến cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) thì “đối với các ngành khác, nếu một công ty hoạt động không hiệu quả thì phải phá sản, nhưng với Ngành Ngân hàng thì việc phá sản là điều khó có thể chấp nhận được, vì nó tạo ra hiệu ứng hệ thống, gây ra những tác động khó lường” ... “Quy định về thủ tục phá sản phải áp dụng đối với tất cả các chủ thể, với ngoại trừ không áp dụng đối với các tổ chức tài chính, tiền tệ và các công ty bảo hiểm. Đối với các tổ chức này thì cần có thủ tục đặc biệt (thủ tục khẩn cấp) để áp dụng khi lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, nếu không giải quyết được thì mới áp dụng thủ tục phá sản chung”¹.

Theo hướng dẫn của UNCITRAL thì việc phá sản tổ chức tín dụng làm vào tình trạng mất khả năng thanh toán cũng cần được quy định đặc biệt so với việc phá sản các loại hình doanh nghiệp thông thường. Việc cần thiết có quy định xử lý đặc thù đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản có thể được lý giải bởi chính những yếu tố đặc thù trong hoạt động của các tổ chức tín dụng như sau:

1.1. Xuất phát từ vai trò quan trọng của các tổ chức tín dụng trong việc duy trì sự ổn định và phát triển của nền tài chính quốc gia

Thị trường tài chính, trong đó có thị trường tín dụng là “mạch máu” cho sự sống của nền kinh tế của bất kỳ quốc gia nào. Một quốc gia muốn phát triển thì không thể không phát triển thị trường tín dụng, một kênh huy động vốn nhanh chóng và có hiệu quả. Trong cơ cấu thị trường tài chính, thị trường tín dụng giữ một vai trò đặc biệt quan trọng; thị trường tín dụng có ý nghĩa quyết định đối với việc huy động và phân bổ các nguồn vốn nhàn rỗi một cách tiết kiệm và hiệu quả. Điều này có thể thấy rõ thông qua hàng loạt các hoạt động quan trọng của ngân hàng và các tổ chức tín dụng như hoạt động cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán, dịch vụ chuyển tiền... Thị trường tín dụng phát triển và lành mạnh là một nhân tố cần thiết đảm bảo sự an toàn của các định chế tài chính, cũng như sự ổn

định và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế càng phát triển, càng cần có một thị trường thị trường tín dụng hoàn chỉnh, hiện đại và an toàn. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới thì “nền kinh tế sẽ không thể hoạt động một cách bình thường nếu không có một hệ thống ngân hàng hiệu quả, đóng vai trò cầu nối giữa nguồn dự trữ của xã hội với hoạt động đầu tư và cung cấp những dịch vụ tài chính thiết yếu khác cho Nhà nước và xã hội”².

Tính chất đặc thù của các tổ chức tín dụng so với các loại hình kinh doanh khác, đó là việc các tổ chức tín dụng thực hiện việc kinh doanh tiền tệ, mà tiền tệ là một loại hàng hoá đặc biệt. Do có thể tác động đến nhiều biến số kinh tế có ý nghĩa đối với sự lành mạnh, ổn định và phát triển của một quốc gia như lãi suất, lạm phát và các chỉ số kinh tế khác, nên tiền tệ trở nên đặc biệt quan trọng. Tiền tệ là một khâu của quá trình tái sản xuất, nó có tác động tích cực đến quá trình tái sản xuất. Tuy nhiên, sự biến động bất thường của nó có thể làm khuynh đảo các hoạt động đời sống kinh tế, xã hội ... và vì thế nó có thể làm ảnh hưởng tới sự phồn thịnh hoặc suy vong của chính quốc gia đó. Sự đặc thù này có thể cho ta khẳng định rằng: Tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp đã là việc khó thì với một tổ chức tín dụng, việc này khó gấp nhiều lần³.

Hệ thống tổ chức tín dụng cũng là nơi tập trung, tích tụ nguồn vốn của các quốc gia, vì vậy, hệ thống tổ chức tín dụng bị sụp đổ cũng có nghĩa là nền kinh tế của quốc gia đó bị sụp đổ theo, đó là điều mà không quốc gia nào mong muốn. “Ở hầu hết các quốc gia, xu hướng tập trung hoá trong lĩnh vực ngân hàng vẫn tiếp tục gia tăng. Theo như phản hồi của 34 quốc gia, 5 quốc gia có tỷ lệ tài sản tập trung trong 5 ngân hàng lớn nhất là 93%, trong khi tỷ lệ này tại 25

quốc gia khác là hơn 30%”⁴. Chính vì vậy, khi tổ chức tín dụng, đặc biệt là các ngân hàng lớn, lâm vào tình trạng phá sản thì yêu cầu đặt ra là phải cứu vãn với nỗ lực tối đa có thể, không để sự sụp đổ của một tổ chức tín dụng kéo theo sự sụp đổ của hệ thống tổ chức tín dụng đang hoạt động, ảnh hưởng đến nền tài chính quốc gia.

1.2. Xuất phát từ tính chất rủi ro cao trong hoạt động của các tổ chức tín dụng

Kinh doanh vốn mang tính rủi ro nhưng kinh doanh ngân hàng là một hoạt động kinh tế có nhiều rủi ro hơn các hoạt động kinh tế khác do bản chất của nghiệp vụ ngân hàng là trung gian tín dụng, tức là đi vay để cho vay. Tổ chức tín dụng hoạt động với tư cách là một tổ chức trung gian tài chính trong nền kinh tế, chủ yếu dựa vào uy tín của mình để huy động vốn từ khu vực thừa vốn để cấp tín dụng cho khu vực có nhu cầu về vốn (sử dụng nguồn vốn đi vay để cho vay). Khác với các doanh nghiệp sáng tạo ra hàng hoá hữu hình như lúa, gạo, xe máy, ô tô..., sản phẩm của một tổ chức tín dụng là những dịch vụ, hoạt động theo phương châm “đi vay để cho vay” với loại hàng hoá tiền tệ, hoạt động tổ chức tín dụng được định nghĩa là hoạt động kinh doanh tiền tệ. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, mục tiêu lớn nhất của các tổ chức tín dụng là lợi nhuận. Để đạt được lợi nhuận cao, các tổ chức tín dụng thường lấy vốn huy động (tài sản nợ) ngắn hạn để đầu tư vào tài sản có dài hạn hơn nhằm lợi dụng chênh lệch lãi suất trong khung lãi suất lũy tiến theo thời gian.

Tổ chức tín dụng đóng vai trò là trung gian, cầu nối giữa một bên có vốn tạm thời dư thừa và một bên cần vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tiêu dùng. Bất kỳ lúc nào thì tổ chức tín dụng cũng chỉ dự trữ một một lượng tiền rất nhỏ so với tổng số tiền mà khách

hàng đã gửi. Đặc thù của tiền gửi là không có kỳ hạn (cho dù đó là tiền gửi 12 tháng, 2 năm... nhưng khách hàng vẫn có đủ cơ hội để rút tiền trước so với thời hạn gửi tiền), nhưng ngược lại, bất kỳ một khoản vay nào cũng có kỳ hạn. Điều đó có nghĩa là, người gửi tiền thì bất kỳ lúc nào cũng có thể rút tiền gửi từ tổ chức tín dụng, song tiền của họ đang được người khác sử dụng và tổ chức tín dụng lại không thể muốn thu hồi về bất kỳ lúc nào cũng được. Mâu thuẫn giữa một bên là nhu cầu rút tiền, một bên là lượng dự trữ nhỏ bé tại tổ chức tín dụng luôn có khả năng tạo ra trận cuồng phong, nếu tổ chức tín dụng thiếu những biện pháp phòng thủ.

“Với vai trò truyền thống của mình là cầu nối giữa nhu cầu gửi tiền ngắn hạn và nhu cầu vay trung và dài hạn, các ngân hàng luôn dễ bị tổn thương bởi bất kỳ sự mất lòng tin của người gửi tiền vào khả năng tài chính, gây ra sự tháo chạy khỏi ngân hàng. Nếu một ngân hàng không thể đáp ứng được nhu cầu rút tiền hoặc đổi tiền, công chúng cũng sẽ mất lòng tin vào cả các ngân hàng khác”⁵.

Như vậy, có thể nói, trong hoạt động của mình, việc tổ chức tín dụng di vay ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn chính là nguồn gốc then chốt của rủi ro khả năng trả nợ của tổ chức tín dụng. Một ngân hàng dùng vốn vay của những người chủ nợ của mình (những người gửi tiền vào ngân hàng) đem cho vay mà không thu hồi được nợ, thì sẽ không có tiền trả cho khách hàng đến rút vốn, sẽ mất tín nhiệm ngân hàng, họ đến rút vốn hàng loạt và không tiếp tục gửi tiền nữa thì ngân hàng sẽ thiếu hoặc không còn vốn kinh doanh, dẫn đến nguy cơ phá sản, nhưng càng cho vay nhiều, rủi ro càng lớn. Thông thường, lý do thôi thúc những người gửi tiền đổ xô đến rút tiền là việc mất lòng tin vào khả năng

thanh toán của tổ chức tín dụng và lo lắng cho tài sản của mình gửi ở đó.

Do tính chất hoạt động hàng ngày, tổ chức tín dụng luôn đứng trước hiểm họa về mất khả năng chi trả khi bị mất uy tín với các chủ nợ của mình. Với tính liên kết này, niềm tin của người gửi tiền vào một tổ chức tín dụng nhất định bị lung lay có thể dẫn đến sự đổ vỡ niềm tin của công chúng vào hệ thống tổ chức tín dụng. Bất kỳ một sự biến động bất thường nào từ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng cũng rất dễ gây ra cho người gửi tiền tâm lý bất an, từ đó dẫn tới tình trạng sợ hãi và tháo chạy là nguyên nhân dẫn đến đổ vỡ của tổ chức tín dụng. Chính đặc điểm này cho ta thêm một lý do từ chối xếp các tổ chức tín dụng chung với các doanh nghiệp khác khi giải quyết phá sản.

1.3. Xuất phát từ sự ảnh hưởng của việc phá sản tổ chức tín dụng đối với hệ thống tài chính quốc gia

Hoạt động của tổ chức tín dụng là hoạt động mang tính hệ thống cũng là một đặc điểm để cho thấy sự cần thiết phải có cơ chế xử lý đặc thù khi giải quyết phá sản tổ chức tín dụng. Nếu như hoạt động thanh toán là việc riêng của mỗi doanh nghiệp thì đối với tổ chức tín dụng nó luôn mang tính hệ thống. Trong hệ thống đó, mỗi tổ chức tín dụng chỉ là một mắt xích nhỏ bé và sự đổ vỡ của một tổ chức tín dụng nào đó sẽ dễ kéo theo sự đổ vỡ của các tổ chức tín dụng khác. Vì vậy, việc phá sản tổ chức tín dụng có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống kinh tế xã hội, tác động trực tiếp đến an ninh kinh tế và ổn định đời sống xã hội.

Các tổ chức tín dụng, trong đó nòng cốt là các ngân hàng thương mại thực hiện toàn bộ các hoạt động kinh doanh ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan, bao gồm các

hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Các quan hệ tín dụng được dựa trên uy tín của các bên. Khi tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, chi trả các khoản tiền gửi cho người gửi tiền (dù là mất khả năng thanh toán nội bộ hay mất khả năng thanh toán của toàn bộ ngân hàng) thì uy tín của cũng như vị thế của tổ chức tín dụng trên thị trường bị giảm sút, và hệ quả là khách hàng đến rút tiền ồ ạt, làm trầm trọng thêm tình trạng mất khả năng thanh toán của tổ chức tín dụng. Như vậy, hậu quả của việc bị mất khả năng thanh toán không phải chỉ xảy ra đối với tổ chức tín dụng đó mà nó thường kéo theo sự rút tiền ồ ạt của khách hàng tại nhiều tổ chức tín dụng khác.

Tại một thời điểm nhất định, một tổ chức tín dụng thường không giữ nhiều tiền mặt và không thể lập tức thu hồi các khoản cho vay của mình, nên khi người gửi tiền đổ xô đến rút tiền thì tổ chức này trở nên mất khả năng thanh toán thực sự và thường phải ngừng giao dịch, thậm chí có thể phải tuyên bố phá sản. Do từng tổ chức tín dụng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra nguồn vốn và tham gia vào hệ thống thanh toán, sự ảnh hưởng từ chất lượng hoạt động của mỗi tổ chức tín dụng không chỉ trong phạm vi của tổ chức tín dụng đó mà còn tác động đến các tổ chức tín dụng khác và cả hệ thống tài chính - tiền tệ.

“Sự thất bại của một ngân hàng có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính của các thiết chế tài chính khác, kể cả các ngân hàng là đối tác của ngân hàng đó. Sự thất bại của ngân hàng thậm chí còn làm suy yếu hoạt động của thị trường tài chính và hệ thống thanh toán và giao

dịch bảo đảm. Vì vậy, sự ảnh hưởng lan truyền của ngân hàng và sự mất lòng tin của công chúng có thể dẫn đến sự đổ vỡ nhanh chóng của các ngân hàng khác đang hoạt động lành mạnh, cuối cùng dẫn đến sự đổ vỡ của cả hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, khó có thể ngăn ngừa sự khủng hoảng ngân hàng trong phạm vi biên giới quốc gia nơi đã xảy ra khủng hoảng. Điều này xuất phát từ sự phát triển quan hệ kinh doanh giữa các ngân hàng ở các quốc gia khác nhau, sự khủng hoảng ngân hàng ở một quốc gia có thể gây ra sự khủng hoảng tài chính ở quốc gia khác”⁶.

Như vậy, có thể nói, tác động của sự đổ vỡ tổ chức tín dụng khác với sự đổ vỡ của một doanh nghiệp thông thường, việc phá sản của một tổ chức tín dụng nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống tổ chức tín dụng và hệ thống tài chính tiền tệ của một quốc gia. Điều này có thể gây ra những hoảng loạn ở người gửi tiền dẫn tới các bất ổn về trật tự chẳng hạn như tấn công, đập phá cơ sở giao dịch của tổ chức tín dụng. Chúng ta hẳn không thể quên sự kiện khủng hoảng tài chính cuối thập kỷ 90 ở Châu Á đã làm cho nền kinh tế nhiều nước (Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan, Philippines, Malaysia, Singapore, Indonesia, Ấn Độ, Pakistan, Đài Loan), lâm vào suy thoái trầm trọng. Hay sự đổ vỡ của hệ thống hợp tác xã tín dụng làm thất thoát hơn 2.000 tỷ đồng vào cuối thập kỷ 80 đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX ở Việt Nam là một minh chứng. Nhiều hợp tác xã tín dụng bị phá sản, người đứng đầu các hợp tác xã tín dụng bỏ trốn, nhiều người gửi tiền đã tập trung trước trụ sở các cơ quan Đảng, Chính phủ đòi nợ gây mất ổn định xã hội, làm giảm lòng tin của nhân dân vào chính sách tài chính ngân hàng

của Đảng và Nhà nước, nhiều người phải lâm vào cảnh vào tù ra tội một cách oan ức, nhiều kẻ lợi dụng trục lợi bất chính mà không được xử lý một cách nghiêm minh ...

Chính vì vậy, việc xử lý phá sản tổ chức tín dụng cần có những quy định hướng dẫn rất thận trọng và kỹ càng. Để hạn chế sự tác động của phá sản tổ chức tín dụng đối với hệ thống tài chính tiền tệ thì tạo cho tổ chức tín dụng một khoảng thời gian nhất định được bảo vệ khỏi các chủ nợ để tìm kiếm các phương án phục hồi kinh doanh. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức tín dụng đã ở vào tình trạng không thể cứu vãn được thì việc phá sản cần phải được tiến hành một cách dứt điểm và nhanh chóng, không dây dưa kéo dài để hạn chế sự ảnh hưởng đối với hệ thống tổ chức tín dụng nói riêng và hệ thống tài chính tiền tệ nói chung. Điều này đặt ra vấn đề cần phải có những quy định đặc thù cho việc áp dụng thủ tục phá sản đối với các tổ chức tín dụng.

1.4. Xuất phát từ tính chất đặc thù trong nghiệp vụ thanh toán của các tổ chức tín dụng

Đối với các tổ chức tín dụng, trong nhiều trường hợp, việc mất khả năng chi trả không đồng nghĩa với việc mất khả năng thanh toán. Trong hầu hết các lĩnh vực kinh doanh, không bao giờ doanh nghiệp có một lượng tiền đủ lớn để bảo đảm thanh toán ngay cho toàn bộ các khoản nợ. Tuy nhiên, các doanh nghiệp thông thường có thể biết được khi nào thì các khoản nợ đến hạn thanh toán và từ đó lập kế hoạch chuẩn bị. Tuy nhiên, đối với tổ chức tín dụng thì hoạt động chính là nhận tiền gửi để cho vay, và càng cho vay nhiều thì tổ chức tín dụng càng có khả năng thu lợi được nhiều và ngược lại.

Để duy trì khả năng thanh toán, một mặt tổ chức phải đảm bảo toàn bộ giá trị tài sản có phải

lớn hơn các khoản nợ phải thanh toán ở mọi thời điểm. Nếu trong kinh doanh vốn cho vay không có khả năng thu hồi và lỗ sẽ làm cho giá trị tài sản có xuống thấp hơn tài sản nợ và như vậy sẽ dẫn đến tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán. Thế nhưng, nếu xét về khối lượng tài sản có đủ trang trải tài sản nợ thì cũng chưa đủ để nói lên khả năng thanh toán của tổ chức tín dụng, mà còn phải tính đến thanh khoản tức là các tài sản có khả năng chuyển thành tiền ngay với khối lượng đủ để đáp ứng nhu cầu rút tiền mặt hoặc những nhu cầu vay mượn chính đáng của các ngân hàng thân thuộc, đồng thời vẫn giữ được tỉ lệ dự trữ pháp định. Như vậy, có thể xảy ra một tổ chức tín dụng có đủ khả năng thanh toán nhưng lại thiếu thanh khoản để trang trải các nợ tức thời, cũng coi như tổ chức tín dụng đó thiếu khả năng thanh toán và có nguy cơ dẫn đến phá sản.

Khác với các doanh nghiệp thông thường, tổ chức tín dụng không thể từ chối việc thanh toán cho các chủ nợ bất kỳ khi nào có yêu cầu cho dù các khoản nợ chưa đến hạn theo như thoả thuận ban đầu (người gửi tiền rút tiền trước thời hạn). Về nguyên tắc, tổ chức tín dụng cũng phải lên kế hoạch thanh toán cho các khoản nợ của mình căn cứ vào thời hạn đã thoả thuận với người gửi tiền, đồng thời phải dự trữ một lượng tiền mặt nhất định để đáp ứng yêu cầu chi trả của người gửi tiền. Trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất thường làm mất niềm tin của người gửi tiền và xảy ra tình trạng rút tiền ào ạt thì không một tổ chức tín dụng nào có đủ lượng tiền mặt ngay lập tức đáp ứng nhu cầu rút tiền của người gửi tiền, trong khi khả năng thanh toán của tổ chức tín dụng đó vẫn có thể đáp ứng. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cơ quan có thẩm quyền phải xác định được các dấu hiệu trên để có biện pháp cảnh báo sớm

cho tổ chức tín dụng.

Trong nghiệp vụ của tổ chức tín dụng đã xuất hiện một thuật ngữ, gọi là “bank run” là hiện tượng những người gửi vào một nào đó đồng loạt đến rút tiền của mình ra khỏi tổ chức đó gây ra rối loạn tài chính cho tổ chức tín dụng và đôi khi cho cả . “Bank run” có khả năng lây lan. Nó có thể khiến những người cho tổ chức tín dụng bị phá sản vay cũng bị phá sản theo. Những tổ chức tín dụng khác cũng bị va lây khi đột nhiên người gửi tiền của mình thấy cảnh tổ chức tín dụng bị “bank run” mà lo lắng về tổ chức nơi mình gửi tiền và vội vã đi rút tiền của mình ra. Nhiều tổ chức tín dụng bị “bank run” sẽ khiến cho hệ thống ngân hàng bị khủng hoảng và điều này lại dẫn tới cả nền kinh tế bị khủng hoảng⁷.

1.5. Xuất phát từ tính chất đặc thù về chủ nợ và con nợ trong hoạt động của tổ chức tín dụng

Một đặc điểm dễ nhận thấy trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, đó là, tổ chức tín dụng vừa là con nợ của nhiều đối tượng gửi tiền nhưng đồng thời cũng là chủ nợ lớn nhất của nhiều đối tượng vay tiền. Các hoạt động của tổ chức tín dụng cũng được thực hiện đa dạng như: Nhận tiền gửi, cho vay, thực hiện dịch vụ thanh toán, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính... Do tính chất hoạt động của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng đã trở thành tổ chức nhận tài sản bảo đảm lớn nhất, tài sản mà tổ chức tín dụng nhận bảo đảm cho các khoản vay cũng đa dạng về chủng loại động sản, bất động sản.

Bên cạnh đó, cách thức tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng cũng đa dạng, hoạt động của tổ chức tín dụng thường được thực hiện trong phạm vi toàn quốc, với hệ thống chi nhánh

được phân cấp với quyền tự chủ khá độc lập. Tất cả những yếu tố trên làm cho việc xác định tài sản và thu hồi tài sản của tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản là rất phức tạp, đòi hỏi phải có những quy định cụ thể, phù hợp.

2. Kinh nghiệm các nước trong việc xử lý tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán

Qua nghiên cứu cho thấy, hầu hết các nước đều có quy định đặc thù dành cho việc giải quyết tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tuy nhiên, ở mỗi nước thì cơ sở pháp luật điều chỉnh vấn đề này lại không giống nhau. Nhìn chung, có thể thấy việc điều chỉnh pháp luật đối với việc giải quyết tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản ở các nước được xây dựng theo 3 xu hướng sau đây:

Thứ nhất, ở một số nước thì các quy định của Luật Phá sản không áp dụng cho tổ chức tín dụng; quy định những đặc thù giải quyết tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản được điều chỉnh trong Luật về tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng hoặc Luật về Bảo hiểm tiền gửi. Trong mô hình này, việc tái cơ cấu hoặc thanh lý đối với tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản được giao cho cơ quan giám sát hoặc cơ quan bảo hiểm tiền gửi thực hiện. Mô hình này ở một số nước như Hoa Kỳ, Canada, Italy, Norway, Latvia, ...

Thứ hai, ban hành Luật Phá sản áp dụng chung cho tất cả các loại hình kinh doanh, kể cả các tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản, đồng thời, có những quy định đặc thù dành cho việc giải quyết phá sản tổ chức tín dụng. Quy định đặc thù về giải quyết phá sản tổ chức tín dụng có thể nằm trong văn bản hướng dẫn riêng hoặc nằm trong văn bản pháp luật về hoạt động của tổ chức tín dụng trên cơ sở những nguyên

tác chung của Luật Phá sản. Mô hình này là phổ biến ở một số nước như: Nhật Bản, Trung Quốc, Estonia, Việt Nam, ...

Thứ ba, ban hành một đạo luật riêng về giải quyết phá sản tổ chức tín dụng bên cạnh đạo luật chung về phá sản. Mô hình này có thể thấy ở các nước như Nga, Armenia, ...

Tuy nhiên, qua nghiên cứu pháp luật các nước về giải quyết phá sản tổ chức tín dụng, có thể đưa ra một số nhận định chung sau đây:

Một là: Tính chất của thủ tục giải quyết phá sản tổ chức tín dụng ở các quốc gia là khác nhau

Theo thông lệ chung thì thủ tục phá sản vốn là thủ tục tư pháp, do toà án tiến hành trên cơ sở yêu cầu của chủ nợ, con nợ cũng như các bên có liên quan. Tuy nhiên, nghiên cứu pháp luật về giải quyết phá sản tổ chức tín dụng ở các nước cho thấy, không phải ở tất cả các nước, thủ tục phá sản tổ chức tín dụng cũng là thủ tục tư pháp. Liên quan đến vấn đề giải quyết phá sản tổ chức tín dụng được thực hiện theo pháp luật phá sản chung hay áp dụng các quy định đặc biệt theo pháp luật về tổ chức tín dụng mà tính chất của thủ tục này là khác nhau. Khi một tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, thủ tục được áp dụng có thể là một thủ tục mang tính chất hành chính được tiến hành bởi cơ quan quản lý hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc là một thủ tục mang tính chất tư pháp được thực hiện bởi toà án và thường có sự hợp tác với cơ quan quản lý hoạt động của tổ chức tín dụng.

Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới cũng cho thấy, ở một số nước, các ngân hàng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán có thể đồng thời thuộc đối tượng của thủ tục phá sản mang tính chất hành chính theo pháp luật ngân hàng, đồng thời là đối tượng của thủ tục phá sản mang tính chất tư pháp theo pháp luật phá sản chung

(Australia, áo, Đan Mạch, Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ). Tuy nhiên, ở một số nước thì ngân hàng lâm vào tình trạng phá sản lại chỉ được giải quyết theo một thủ tục được quy định bởi một văn bản pháp luật phá sản đặc biệt dành cho các tổ chức tài chính ngân hàng được miễn trừ khỏi thủ tục phá sản chung và chỉ chịu sự điều chỉnh của thủ tục phá sản mang tính chất hành chính (Italy, Norway, Hoa Kỳ) hoặc chỉ chịu sự điều chỉnh của thủ tục phá sản mang tính chất tư pháp (Luxembourg). Ở một số nước khác, ngân hàng lâm vào tình trạng phá sản lại chỉ chịu sự điều chỉnh bởi thủ tục phá sản mang tính chất tư pháp, ngân hàng được miễn trừ khỏi thủ tục mang tính chất hành chính (Bỉ, Anh, Đức).

Hai là: Quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng được quy định một cách chặt chẽ so với các loại hình kinh doanh khác, đồng thời thừa nhận quyền của Ngân hàng Trung ương và tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng

Việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng bị hạn chế bởi những điều kiện chặt chẽ. Việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không được tùy tiện như các doanh nghiệp thông thường mà có những điều kiện chặt chẽ hơn.

Ngân hàng Trung ương thường là cơ quan có trách nhiệm trong việc xác định một tổ chức tín dụng đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán hay chưa. Theo kết quả nghiên cứu của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi ở 34 quốc gia thì: “Quyền quyết định đóng cửa ngân hàng hoặc tuyên bố mất khả năng thanh toán được giao cho cơ quan giám sát ngân hàng (19 nước), Ngân hàng Trung ương (7 nước), tổ chức Bảo hiểm tiền gửi (3 nước). Các nước còn lại thì quyền này

thuộc về hệ thống toà án”⁸.

Pháp luật về phá sản tổ chức tín dụng các quốc gia trên thế giới quy định rõ ràng những chủ thể được quyền (nghĩa vụ) nộp đơn yêu cầu toà án tuyên bố phá sản. Tuy nhiên, đáng lưu ý, bên cạnh chủ nợ và con nợ của tổ chức tín dụng thì Ngân hàng Trung ương và tổ chức Bảo hiểm tiền gửi còn có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng. Việc nộp đơn của Ngân hàng Trung ương không phụ thuộc vào việc Ngân hàng Trung ương có phải là chủ nợ của tổ chức tín dụng hay không. Ví dụ, theo Luật của Liên bang Nga, quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản tổ chức tín dụng được thực hiện bởi: Tổ chức tín dụng, các chủ nợ (kể cả cá nhân gửi tiền, chủ tài khoản tại ngân hàng), các cơ quan có thẩm quyền hoặc bởi Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga. Các chủ nợ và cơ quan có thẩm quyền chỉ được quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản sau khi Ngân hàng Trung ương đã rút giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày công bố rút giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Trung ương có nghĩa vụ nộp đơn đến Toà án trọng tài yêu cầu tuyên bố phá sản tổ chức tín dụng. Trong trường hợp các tổ chức tín dụng và các cơ quan có thẩm quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thì một bản sao hồ sơ yêu cầu tuyên bố phá sản tổ chức tín dụng sẽ được gửi tới Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga⁹. Hoa Kỳ cũng cho phép Tập đoàn Bảo hiểm tiền gửi tín dụng (Federal Deposit Insurance Corporation - FDIC) và Ủy ban Thanh tra tài chính có quyền yêu cầu tuyên bố phá sản các ngân hàng.

Ba là: *Vai trò can thiệp, hỗ trợ mạnh mẽ của cơ quan quản lý hoạt động tổ chức tín dụng và tổ chức Bảo hiểm tiền gửi vào quá trình giải*

quyết phá sản các tổ chức tín dụng

Theo kinh nghiệm các nước, quy định về xử lý tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán cần được quy định một cách toàn diện ngay từ khi có dấu hiệu gặp khó khăn. Các biện pháp can thiệp của các cơ quan giám sát an toàn hoạt động của của tổ chức tín dụng cần phải được tiến hành sớm nhằm cố gắng đến mức tối đa việc phục hồi hoạt động của tổ chức tín dụng. Phá sản chỉ là giải pháp cuối cùng khi không còn lựa chọn nào khác; việc mở thủ tục phá sản chỉ áp dụng khi không còn cách cứu vãn mà chỉ có thể thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng.

Chính vì vậy, pháp luật các nước quy định vai trò can thiệp mạnh mẽ của Ngân hàng Trung ương là cơ quan quản lý ngân hàng, tổ chức tín dụng trong việc giám sát khả năng thanh toán nợ của các tổ chức tín dụng, cũng như trong việc áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán nợ của các tổ chức tín dụng gặp khó khăn. Để ngăn ngừa “bank run”, thì biện pháp cơ bản là giám sát chặt chẽ và tăng cường sự ổn định của các tổ chức tín dụng, chẳng hạn như quy định mức dự trữ tiền mặt đối với các tổ chức này. Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, pháp luật cần trao cho Ngân hàng Trung ương thẩm quyền tiếm quyền các tổ chức bị vỡ nợ hoặc các ngân hàng có nguy cơ đổ vỡ để ngăn chặn có hiệu quả việc thất thoát tài sản, bảo vệ người gửi tiền. Đặc biệt, Ngân hàng Trung ương sẽ là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình khôi phục tài chính đối với tổ chức tín dụng bị lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính. Ngoài ra, Ngân hàng Trung ương, tổ chức Bảo hiểm tiền gửi có thể đứng ra làm, nghĩa là đảm bảo rằng sẽ cho vay ngắn hạn đối với tổ chức tín dụng gặp khó khăn để họ có thể thanh toán cho

người rút tiền (thuật ngữ báo chí kinh tế gọi là “bơm tiền”).

Trong thời gian vừa qua, tình trạng khủng hoảng tài chính đang trở thành mối lo ngại của nhiều nước trên thế giới. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) vừa thông báo sẽ bơm thêm 100 tỷ USD theo phương thức đấu giá để hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng đang gặp khó khăn do cuộc khủng hoảng tín dụng tại nước này. Ngân hàng Trung ương Mỹ cho hay sẽ chia khoản tiền thành hai đợt đấu giá, mỗi đợt 50 tỷ USD, lần lượt vào các ngày 7 và 21/4. FED cũng thông báo sẽ tiếp tục các đợt đấu giá như vậy trong ít nhất 6 tháng nữa, trừ trường hợp các ngân hàng đã thoát khỏi tình trạng khó khăn và không cần hỗ trợ. Tính đến cuối tháng 3/2008, FED đã bơm tổng cộng 260 tỷ USD cho các ngân hàng thương mại thông qua các khoản vay ngắn hạn. Động thái này của FED nhằm giúp thị trường tài chính Mỹ đối phó với cuộc khủng hoảng đang làm thị trường nước này chao đảo và ảnh hưởng đến cả các nền kinh tế khác. Hệ quả mới nhất của cuộc khủng hoảng này là Bear Stearns Cos, ngân hàng đầu tư lớn thứ năm của Mỹ, suýt phá sản nếu không có các tập đoàn lớn hỗ trợ. Từ tháng 12/2007 đến nay, FED đều đặn tổ chức các đợt đấu giá hằng tuần trên thị trường mở của cơ quan này để cung ứng các khoản vay ngắn hạn cho ngân hàng thương mại. Ban đầu hạn mức cho mỗi đợt đấu giá là 20 tỷ USD, sau đó là 30 tỷ USD, nhưng từ đầu tháng 3 đến nay, FED đã phải nâng hạn mức lên 50 tỷ USD¹⁰.

Tháng 9/2007, khách hàng của Northern Rock của Anh đã đồng loạt đến rút tiền tiết kiệm vì lo ngại rủi ro. Ngân hàng này đã mất thanh khoản và phải cầu cứu Ngân hàng Trung ương Anh bơm các khoản vay lên tới trên 50 tỷ USD

để chi trả cho khách hàng, Chính phủ Anh dành quốc hữu hóa Northern Rock vào giữa tháng 2/2008. Northern Rock sau đó đứng bên bờ phá sản và Bộ Tài chính Anh phải lên tiếng kêu gọi các tập đoàn hỗ trợ vực dậy¹¹.

Khách hàng của tổ chức tín dụng là những người gửi tiền tại tổ chức tín dụng với một số lượng rất lớn, vì vậy, việc tiến hành hội nghị chủ nợ để làm các thủ tục hoà giải và đưa ra các giải pháp tổ chức lại tổ chức tín dụng là việc khó có thể thực hiện. Chủ nợ của các tổ chức tín dụng là chủ nợ có khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản mà lại có độ nhạy cảm rất cao cho nên trong tình huống hoảng loạn họ chỉ quan tâm đến việc làm thế nào để rút được tiền và rút tiền nhanh nhất. Do đó, vai trò của Ngân hàng Trung ương đặc biệt quan trọng. Một mặt, thông qua các khoản vay đặc biệt để chi trả cho người gửi tiền, Ngân hàng Trung ương cứu tổ chức tín dụng và cả hệ thống vượt khỏi cơn hiểm nghèo, mặt khác, trong việc giải quyết phá sản tổ chức tín dụng, Ngân hàng Trung ương là người đại diện chung cho quyền lợi của người gửi tiền để giải quyết những vấn đề phức tạp về tài chính, về trật tự, an toàn xã hội. Chính vì những khó khăn trong việc xử lý các vấn đề liên quan khi một tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản nên toà án rất khó có thể đảm nhận vai trò này mà chỉ có Ngân hàng Trung ương mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ này.

Theo kết quả nghiên cứu của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi ở 34 quốc gia thì: “Trong trường hợp ngân hàng rơi vào khủng hoảng khủng hoảng hoặc mất khả năng thanh toán, trách nhiệm hỗ trợ thanh khoản trong trường hợp khẩn cấp cho những ngân hàng có nguy cơ đổ vỡ được giao cho Ngân hàng Trung ương (12 nước), cho cả tổ chức Bảo hiểm tiền gửi và Ngân hàng

Trung ương (4 nước)”. “Quyền quyết định biện pháp xử lý ngân hàng đổ vỡ được giao cho cơ quan giám sát ngân hàng (15 nước), cho tổ chức Bảo hiểm tiền gửi (11 nước), cho Ngân hàng Trung ương (7 nước). ở các nước còn lại thì trách nhiệm này thuộc về hệ thống toà án”¹².

Bốn là: Thủ tục phục hồi tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán được tiến hành sớm; việc Toà án mở thủ tục phá sản thường đồng nghĩa với việc mở thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng

Thủ tục phục hồi, tái cơ cấu đối với tổ chức tín dụng theo pháp luật về tổ chức tín dụng có nội hàm rộng hơn so với thủ tục phục hồi theo pháp luật phá sản chung. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp trong pháp luật phá sản chung chỉ được tiến hành trong trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố là mất khả năng thanh toán dựa trên những tiêu chí pháp lý một cách chặt chẽ. Ngược lại, việc tái cơ cấu ngân tổ chức tín dụng thường được bắt đầu ở một thời điểm sớm hơn nhiều so với thủ tục phục hồi doanh nghiệp thông thường.

Thủ tục phục hồi tổ chức tín dụng được coi là một giai đoạn cần thiết và áp dụng trước khi áp dụng thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng. Thủ tục phục hồi hoạt động tổ chức tín dụng được thực hiện dưới sự kiểm soát của cơ quan quản lý hoạt động của tổ chức tín dụng. Đây được coi như một giai đoạn bắt buộc khi tổ chức tín dụng kinh doanh thua lỗ và có nguy cơ mất khả năng thanh toán. Việc giao cho cơ quan quản lý ngân hàng tổ chức việc cơ cấu, phục hồi lại tổ chức tín dụng được coi là có hiệu quả hơn là giao cho toà án thực hiện, hạn chế được tính ỳ chệ vốn có của thủ tục toà án. Một số nước (Hoa Kỳ) đã giao cho cơ quan quản lý ngân hàng quyền được kiểm soát ngân hàng mất khả năng thanh toán mà không cần quyết định của toà án.

Qua nghiên cứu cho thấy, hầu như không quốc gia nào áp dụng giai đoạn phục hồi tổ chức tín dụng sau khi toà án mở thủ tục phá sản. Việc toà án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng thường đồng nghĩa với việc thực hiện thanh lý tổ chức tín dụng vì thực sự đã không cứu vãn được khả năng tài chính sau khi áp dụng biện pháp của cơ quan quản lý tổ chức tín dụng. Ví dụ, Luật Phá sản các tổ chức tín dụng của Liên bang Nga qui định rõ: Giai đoạn phục hồi con nợ và thỏa thuận về phương án phục hồi con nợ qui định trong Luật Phá sản doanh nghiệp không áp dụng đối với phá sản các tổ chức tín dụng¹³. Pháp luật phá sản các ngân hàng của Hoa Kỳ cũng không tồn tại thủ tục phục hồi sau khi đã có quyết định của cơ quan thanh tra tài chính hoặc cơ quan hành pháp bang. Tập đoàn Bảo hiểm tiền gửi tín dụng sẽ được cử làm người quản lý tài sản ngân hàng phá sản, thực hiện phương án chi trả tiền gửi, sau đó tiến hành thanh lý tài sản của ngân hàng phá sản...

Trình tự, thủ tục phá sản tổ chức tín dụng cần được thực hiện nhanh gọn, không dây dưa, kéo dài nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như tránh ảnh hưởng đến hoạt động của cả hệ thống tổ chức tín dụng. Đối với tổ chức tín dụng đã thực sự không thể phục hồi hoạt động kinh doanh, thì cần sớm tiến hành thủ tục thanh lý tài sản, ngăn ngừa tình trạng tẩu tán tài sản, hoặc làm xấu đi tình trạng tài chính của tổ chức tín dụng. Điều này là hết sức cần thiết nhằm tăng cường khả năng thu hồi nợ của các chủ nợ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người gửi tiền.

Năm là: Pháp luật các nước chú trọng đến việc bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền khi tổ chức tín dụng bị phá sản

Việc phá sản tổ chức tín dụng có ảnh hưởng

rất lớn đến những người gửi tiền, đặc biệt người gửi tiền cá nhân, với số lượng đông đảo, do đó, có thể ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế, xã hội của quốc gia. Người gửi tiền có thể là tổ chức, cá nhân nhưng trong số đó, người gửi tiền đa phần vẫn là những người lao động, có thu nhập trung bình, tiết kiệm từ thu nhập của mình để gửi vào ngân hàng, tổ chức tín dụng nhằm tìm kiếm lãi suất tín dụng. Vì vậy, việc phá sản tổ chức tín dụng kéo theo sự ảnh hưởng đến nguồn tiết kiệm của đông đảo dân cư trong xã hội, có thể kéo theo những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội. Vì vậy, việc phá sản các tổ chức tín dụng đòi hỏi phải có quy trình phá sản đặc biệt để đảm bảo được quyền lợi của công chúng, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, tránh ảnh hưởng, tác động dây chuyền, làm mất niềm tin của người gửi tiền đối với hệ thống tổ chức tín dụng.

Để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, đa số các nước thường có hệ thống Bảo hiểm tiền gửi và tổ chức tín dụng bắt buộc phải tham gia tổ chức Bảo hiểm tiền gửi với một mức phí nhất định. Khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản, tổ chức Bảo hiểm tiền gửi sẽ có trách nhiệm chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Hạn mức chi trả Bảo hiểm tiền gửi được xây dựng dựa trên cơ sở bảo vệ số đông người gửi tiền, mức thu nhập bình quân đầu người. Về mặt nguyên lý có hai mức độ chi trả Bảo hiểm tiền gửi được áp dụng ở các tổ chức Bảo hiểm tiền gửi Bảo hiểm tiền gửi, đó là: Chi trả toàn bộ số tiền gửi (gồm cả gốc và lãi) thuộc đối tượng được bảo hiểm và chi trả tới một giới hạn nhất định (chi trả có giới hạn). Tùy thuộc vào mức độ phát triển của hệ thống tài chính - ngân hàng ở mỗi quốc gia mà hạn mức chi trả Bảo hiểm tiền gửi có thể được xác định khác nhau. Số tiền vượt mức nói trên, người gửi tiền sẽ được nhận tiếp trong quá

trình thanh lý tài sản của tổ chức tham gia Bảo hiểm tiền gửi bị phá sản theo quy định của pháp luật. Một số nước quy định, khoản nợ thanh toán cho người gửi tiền của tổ chức tín dụng bị phá sản được ưu tiên trước so với các khoản nợ của các chủ nợ thông thường khác như Luật Tổ chức tín dụng năm 1999 của Cộng hòa Latvia.

Sáu là: Việc giải quyết phá sản tổ chức tín dụng ưu tiên thực hiện với phương thức chuyển giao nguyên trạng tổ chức tín dụng thông qua các hình thức sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác

Do tính chất nhạy cảm cao của việc phá sản tổ chức tín dụng, tránh gây những tác động xấu mang tính dây chuyền đối với nền kinh tế - xã hội thì việc lựa chọn một phương thức giải quyết tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản thông qua việc sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác luôn được các quốc gia ưu tiên. Điều này có thể thấy rõ ở những nước mà việc giải quyết phá sản mang nặng tính chất hành chính (Hoa Kỳ, Canada ...). Việc thành lập Ngân hàng “cầu nối” ở Hoa Kỳ nhằm tiếp nhận ngân hàng lâm vào tình trạng phá sản như đã trình bày ở trên là một ví dụ minh họa. Với việc thành lập ngân hàng cầu nối, toàn bộ quyền và nghĩa vụ tài chính của ngân hàng lâm vào tình trạng phá sản sẽ được chuyển giao cho ngân hàng “cầu nối” đặt dưới sự kiểm soát của tổ chức Bảo hiểm tiền gửi.

Theo Luật Bảo hiểm tiền gửi Đài Loan, Công ty Bảo hiểm tiền gửi (CDIC) có thể thực hiện hỗ trợ tài chính đến các tổ chức tham gia Bảo hiểm tiền gửi bằng cách cung cấp các khoản vay hoặc bảo đảm cho các khoản nợ của tổ chức tín dụng bị đóng cửa để tạo thuận lợi cho các tổ chức tín dụng khác thực hiện việc sáp nhập hoặc tiếp

nhận hoạt động, tài sản có và các khoản nợ của tổ chức bị đóng cửa. CDIC cũng có thể thực hiện tiếp nhận tổ chức tín dụng bị đóng cửa và tạm thời cho tiếp tục hoạt động theo tên của CDIC và sau đó xem xét, thương lượng để chuyển giao cho tổ chức tín dụng khác.

Tuy nhiên, không phải tổ chức tín dụng nào lâm vào tình trạng phá sản cũng có thể được chuyển giao nguyên trạng cho tổ chức tín dụng khác. Điều này phụ thuộc vào đánh giá của cơ quan có thẩm quyền về mức độ ảnh hưởng của việc phá sản tổ chức tín dụng, đặc biệt là những ảnh hưởng mang tính hệ thống đến nền tài chính quốc gia đòi hỏi phải có sự đối xử đặc biệt. Giải pháp mua lại và tiếp nhận nợ của tổ chức tín dụng bị phá sản có thể bảo lưu nghĩa vụ và duy trì ràng buộc giữa người gửi tiền với tổ chức này, từ đó, duy trì lòng tin của công chúng vào hệ thống tín dụng. Giải pháp này cũng sẽ bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền thông qua việc duy trì nghĩa vụ của tổ chức tín dụng đối với người gửi tiền, đồng thời, bảo đảm việc làm cho người lao động làm việc tại tổ chức tín dụng bị đổ vỡ. Việc thực hiện giải pháp này cũng sẽ giảm thiểu nguy cơ làm gián đoạn hoạt động của thị trường nhờ việc chuyển nhượng tài sản diễn ra nhanh chóng; ít gây tổn kém, thậm chí không cần dùng đến hỗ trợ tài chính từ Chính phủ. Tuy nhiên, việc tìm được một tổ chức tài chính đứng ra mua lại và tiếp nhận nợ của tổ chức tín dụng bị đổ vỡ không phải là điều dễ dàng, nhất là khi tình hình tài chính của tổ chức tín dụng đang yếu kém. Điều này đòi hỏi phải có sự hỗ trợ tài chính ban đầu của các thiết chế như tổ chức Bảo hiểm tiền gửi.

Phá sản các tổ chức tín dụng là một trong những vấn đề phức tạp nhất hiện nay không chỉ dưới phương diện hoạch định, thực hiện chính

sách tài chính - tiền tệ quốc gia, mà còn dưới phương diện nghiên cứu và áp dụng pháp luật. Việc Luật Phá sản năm 2004 của Việt Nam quy định giao Chính phủ ban hành một văn bản dưới hình thức Nghị định để quy định việc áp dụng Luật Phá sản đối với tổ chức tín dụng nhưng cho đến nay vẫn chưa được ban hành là một minh chứng cho điều này. Để Luật Phá sản không bị “phá sản” một lần nữa và vì sự an toàn hệ thống tài chính tiền tệ – ngân hàng của nước ta, thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm xây dựng, ban hành văn bản pháp luật về giải quyết phá sản các tổ chức tín dụng trên cơ sở tính đến những yếu tố riêng, đặc thù của các tổ chức này □

1. World Bank (2001), “Principles and Guidelines for effective insolvency and creditor rights systems”
2. World Bank (2001), “Principles and Guidelines for effective insolvency and creditor rights systems”
3. TS. Nguyễn Văn Lương (2007), “Các tổ chức tín dụng có cần có một luật phá sản riêng?”, Kỷ yếu Hội thảo “Hoàn thiện Luật Ngân hàng - Những đòi hỏi từ hội nhập kinh tế quốc tế”
4. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (2005), “Hướng dẫn chung về xử lý ngân hàng đổ vỡ”
5. World Bank (2001), “Principles and Guidelines for effective insolvency and creditor rights systems”
6. World Bank (2001), “Principles and Guidelines for effective insolvency and creditor rights systems”
7. Xem <http://vi.wikipedia.org>
8. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (2005), “Hướng dẫn chung về xử lý ngân hàng đổ vỡ”
9. Russian Federation (1999), Act on Insolvency (Bankruptcy) of Credit Institutions (Article 50.4)
10. Xem <http://www.vnexpress.net>
11. Xem <http://www.vnexpress.net>
12. Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (2005), “Hướng dẫn chung về xử lý ngân hàng đổ vỡ”
13. Russian Federation (1999), Act on Insolvency (Bankruptcy) of Credit Institutions (Article 5)